



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 8428 - 37560110 – 37561191 Fax: 8428 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Tp. Hồ Chí Minh, Tháng 7 – 2019

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2 năm 2019	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đến 30 tháng 6 năm 2019	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2019	05 – 32



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.906.783.234.905	2.881.249.979.500
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	243.450.177.111	318.247.777.132
111	1. Tiền		231.450.177.111	249.020.472.861
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	69.227.304.271
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	33.846.512.059	46.472.418.908
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		33.846.512.059	46.472.418.908
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.007.596.982.462	577.522.068.666
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	959.937.676.315	535.836.831.797
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	32.683.465.453	35.702.996.844
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.a	23.179.626.975	14.186.026.306
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(8.203.786.281)	(8.203.786.281)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.581.268.358.807	1.898.573.810.102
141	1. Hàng tồn kho		1.581.268.358.807	1.898.573.810.102
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		40.621.204.466	40.433.904.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.576.694.726	3.097.983.045
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.717.105.591	21.771.071.756
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	15.327.404.149	15.326.333.891
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	238.516.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		875.546.387.293	836.251.574.807
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.441.862.545	6.411.502.545
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		704.360.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5.b	3.737.502.545	6.411.502.545
220	II. Tài sản cố định		745.357.281.174	763.191.123.620
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	453.819.432.406	472.204.134.392
222	- Nguyên giá		853.984.768.266	832.947.345.821
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(400.165.335.860)	(360.743.211.429)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	8.328.440.012	9.539.042.542
225	- Nguyên giá		24.212.050.613	24.212.050.613
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.883.610.601)	(14.673.008.071)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	283.209.408.756	281.447.946.686
228	- Nguyên giá		290.713.549.247	288.373.413.594
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.504.140.491)	(6.925.466.908)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		110.035.512.910	51.332.481.028
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	110.035.512.910	51.332.481.028
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.12	8.177.477.852	8.177.477.852
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.484.441.019)	(3.484.441.019)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.534.252.812	7.138.989.762
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.181.351.459	6.668.454.624
269	2. Lợi thế thương mại	V.13	352.901.353	470.535.138
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.782.329.622.198	3.717.501.554.307

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.681.044.233.675	2.528.663.221.235
310	I. Nợ ngắn hạn		2.484.322.140.730	2.352.076.445.840
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	469.330.239.519	422.811.233.299
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	39.282.582.514	21.589.041.415
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	121.507.033.561	132.317.490.303
314	4. Phải trả người lao động		21.907.933.947	22.894.931.917
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	51.852.154.190	35.950.807.024
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	19.961.218.526	25.869.218.731
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.a	1.735.684.275.881	1.677.511.558.375
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	24.796.702.592	13.132.164.776
330	II. Nợ dài hạn		196.722.092.945	176.586.775.395
331	1. Phải trả người bán dài hạn		23.618.781.037	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.b	173.103.311.908	176.586.775.395
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.101.285.388.523	1.188.838.333.072
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.101.285.388.523	1.188.838.333.072
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		19.640.059.200	19.640.059.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		186.853.351.733	164.003.584.634
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.191.833.055	13.191.833.055
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		96.554.686.634	164.678.939.727
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		88.552.624.892	86.700.956.316
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.002.061.742	77.977.983.411
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		213.365.527.901	255.643.986.456
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.782.329.622.198	3.717.501.554.307

-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Ngọc Hùng

Trần Tấn Sơn

Ngô Văn Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.036.896.901.959	2.045.196.140.498	3.062.885.086.909	3.402.540.315.413
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.2	27.219.391.387	41.352.689.534	41.066.379.891	57.015.534.207
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.009.677.510.572	2.003.843.450.964	3.021.818.707.018	3.345.524.781.206
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.813.538.627.307	1.724.878.898.618	2.726.580.565.843	2.893.816.236.649
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		196.138.883.265	278.964.552.346	295.238.141.175	451.708.544.557
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.366.622.549	1.894.926.113	2.180.076.389	2.786.268.971
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	41.770.450.474	43.945.940.067	70.546.656.978	71.727.456.408
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		29.783.990.199	29.917.782.958	57.358.939.523	57.432.884.346
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	101.381.071.622	92.370.680.670	142.563.107.473	160.455.180.852
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	37.128.174.236	32.613.758.034	60.528.312.391	59.041.037.962
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.225.809.482	111.929.099.688	23.780.140.722	163.271.138.306
31	12. Thu nhập khác	VI.8	601.821.291	13.205.092.822	1.349.196.315	13.752.850.489
32	13. Chi phí khác	VI.9	236.291.964	522.268.501	387.768.177	654.983.162
40	14. Lợi nhuận khác		365.529.327	12.682.824.321	961.428.138	13.097.867.327
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.591.338.809	124.611.924.009	24.741.568.860	176.369.005.633
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	5.933.928.307	22.070.463.660	7.725.121.480	31.936.924.515
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.657.410.502	102.541.460.349	17.016.447.380	144.432.081.118
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		6.601.108.634	72.658.956.975	9.002.061.742	106.782.573.734
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.056.301.868	29.882.503.374	8.014.385.638	37.649.507.384
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	104	1.132	142	1.681
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	104	1.132	142	1.681

Người lập

Trần Ngọc Hùng

Kế toán trưởng

Trần Tấn Sơn



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Tổng Giám đốc

Ngô Văn Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 Tháng đầu năm 2019	6 Tháng đầu năm 2018
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.741.568.860	176.369.005.633
	2. Điều chỉnh cho các khoản		97.208.471.844	81.983.998.206
02	- Khấu hao tài sản cố định		41.211.400.544	38.904.363.660
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.361.868.223)	(14.353.249.800)	
06	- Chi phí lãi vay	57.358.939.523	57.432.884.346	
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-	
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		121.950.040.704	258.353.003.839
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(514.980.763.569)	(479.201.431.824)	
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	317.305.451.295	368.652.033.409	
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	131.464.514.069	94.526.073.268	
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1.523.244.681)	(64.495.152)	
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	
14	- Tiền lãi vay đã trả	(57.358.939.523)	(57.432.884.346)	
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(15.039.869.625)	(23.674.382.476)	
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	279.972.001	674.816.960	
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(16.556.473.253)	(28.543.354.899)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(34.459.312.582)	133.289.378.779
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(80.431.320.030)	(50.524.584.420)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	28.125.261.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(73.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.625.906.849	42.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.361.868.223	1.234.277.894	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(66.443.544.958)	(51.665.044.708)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.948.845.171.032	2.252.110.489.908	
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(1.892.982.531.523)	(2.354.327.304.853)	
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(1.173.385.490)	(6.435.266.280)	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(28.583.996.500)	(36.607.671.911)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		26.105.257.519	(145.259.753.136)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(74.797.600.021)	(63.635.419.065)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		318.247.777.132	344.734.620.233
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	243.450.177.111	281.099.201.168

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Hùng

Trần Tấn Sơn

Ngô Văn Đông



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Trong Quý 2 ngành nông nghiệp Việt Nam tiếp tục chịu sự ảnh hưởng từ thời tiết và giá nông sản giảm sâu, bên cạnh đó hàng phân bón ngoại nhập ngày càng nhiều nên lượng phân bón bán ra giảm so với cùng kỳ. Để đảm bảo giữ thị phần và duy trì sản lượng bán ra Công ty chưa tăng giá bán trong thời gian giá nguyên liệu đầu vào tăng dẫn đến lợi nhuận gộp trong 6 đầu năm giảm 34,6% so với cùng kỳ. Từ các yếu tố tác động nêu trên làm cho lợi nhuận sau thuế quý 2 và lũy kế 6 tháng đầu năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 88,6% và 86%.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Bình Điền MeKong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	SX, TM phân bón	51%	51%	51%
3.	Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	SX, TM phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
4.	Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	SX, TM phân bón	51%	51%	51%
5.	Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	SX, TM phân bón	51%	51%	51%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị

Địa chỉ

Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An
Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.146 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.185 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này tài chính (hợp nhất) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất) giữa niên độ.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/06/2019 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Loại tài sản vô hình

Phần mềm

Số năm

07 – 10

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá: phân bón thành phẩm và nguyên liệu phân bón.

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ và số lượng bình quân của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	4.613.940.171	4.919.725.343
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	214.836.236.940	244.100.747.518
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	12.000.000.000	69.227.304.271
Cộng	231.450.177.111	318.247.777.132

^(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	959.937.676.315	535.836.831.797
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	152.835.485.971	94.210.101.896
- Công ty CP XNK Phân bón Minh Tân	54.956.564.395	10.083.936.395
- Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	47.162.675.867	18.038.488.717
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	44.515.747.867	11.010.105.317
- Công ty TNHH MTV VTNN VT Tiến Thành	31.485.042.403	25.566.375.603
- Công ty TNHH Hồng Nhung	26.467.404.900	5.042.726.900
- Công ty TNHH TM XNK Hùng Tiến	14.095.607.362	13.581.122.362
- Các khách hàng khác	588.419.147.550	358.303.974.607
Cộng	959.937.676.315	535.836.831.797

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu là trả trước để xây dựng và sửa chữa lớn tài sản cố định.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	32.683.465.453	35.702.996.844
- Công ty TNHH Cơ khí & Thiết Bị Việt Khang	5.450.000.000	-
- Công ty TNHH Chế Tạo Máy Phú Minh	3.000.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	24.233.465.453	35.702.996.844
Cộng	32.683.465.453	35.702.996.844

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	23.179.626.975	-	14.186.026.306	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	6.479.433.888	-	3.242.975.986	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.700.193.087	-	10.943.050.320	-
Cộng	23.179.626.975	-	14.186.026.306	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	2.674.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	-	-	2.674.000.000	-
Cộng	3.737.502.545	-	6.411.502.545	-

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	6 tháng năm 2019	Năm trước
Số đầu năm	(8.203.786.281)	(7.531.724.839)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(685.061.442)
Hoàn nhập dự phòng	-	13.000.000
Số cuối năm	(8.203.786.281)	(8.203.786.281)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	1.223.844.873.720	-	1.421.272.558.875	-
- Công cụ, dụng cụ	13.019.067.342	-	10.935.116.476	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.222.465.527	-	43.457.615.145	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	299.629.697.379	-	416.836.423.259	-
- Hàng hóa	7.552.254.839	-	6.072.096.347	-
Cộng	1.581.268.358.807	-	1.898.573.810.102	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	24.212.050.613	24.212.050.613
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	24.212.050.613	24.212.050.613
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	14.673.008.071	14.673.008.071
Khấu hao tăng trong kỳ	1.210.602.530	1.210.602.530
Số cuối kỳ	15.883.610.601	15.883.610.601
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	9.539.042.542	9.539.042.542
Số cuối kỳ	8.328.440.012	8.328.440.012

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Phần mềm	Giấy phép nhượng quyền	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	287.359.636.594	1.013.777.000	-	288.373.413.594
Mua trong kỳ	1.334.626.853	556.708.800	448.800.000	2.340.135.653
Số cuối kỳ	288.694.263.447	1.570.485.800	448.800.000	290.713.549.247
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	6.128.875.521	796.591.387	-	6.925.466.908
Khấu hao trong kỳ	478.677.320	99.996.263	-	578.673.583
Số cuối kỳ	6.607.552.841	896.587.650	-	7.504.140.491
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	281.230.761.073	217.185.613	-	281.447.946.686
Số cuối kỳ	282.086.710.606	673.898.150	448.800.000	283.209.408.756

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 465.000.000 đồng.

- Giá trị còn lại của một số TSCĐ vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 64.387.821.384 đồng.

^(*) Quyền sử dụng đất của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, hiện Công ty thuê của Nhà nước. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.
- Quyền sử dụng 31.829 m² đất thuê (một phần các thửa số 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2014. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).
- Quyền sử dụng 5.200 m² đất thuê (thuộc phần TK 278B (thửa số 1,2); tờ bản đồ số BĐ ĐC CS số 2) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816767 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).
- Quyền sử dụng 4.000 m² đất thuê (thửa số 1642; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816768 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ540216 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 01 năm 2018 với tổng diện tích 50.925,10 m² thuộc lô đất số A22.1, đường D6, KCN Thành Thành Công, ấp An Hội, xã An Hóa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ241094 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02 tháng 12 năm 2016 với tổng diện tích 10.202,50 m² thuộc lô đất số A20B, đường C4, KCN Thành Thành Công, ấp An Hội, xã An Hóa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và BM189701 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19 tháng 01 năm 2015 với tổng diện tích 15.233,20 m² thuộc lô đất số A10, đường C4, KCN Bourbon An Hòa, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	51.332.481.028	76.280.688.682	(17.577.656.800)	110.035.512.910
- Các hạng mục của nhà máy Bình Điền tại Hồ Chí Minh, Long An	30.624.723.020	11.107.869.781	(17.577.656.800)	24.154.936.001
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền MeKong	-	7.672.328.997	-	12.004.774.057
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Quảng Trị	-	438.619.457	-	438.619.457
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Lâm Đồng	-	35.000.000	-	35.000.000
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Ninh Bình	20.707.758.008	64.699.199.444	-	85.406.957.452
Cộng	51.332.481.028	76.280.688.682	(17.577.656.800)	110.035.512.910

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị được đầu tư	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)
Cộng	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)	11.661.918.871	8.177.477.852	(3.484.441.019)

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty CP Bình Điền MeKong	169.550.656	-	(42.387.664)	127.162.992
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	300.984.482	-	(75.246.121)	225.738.361
Cộng	470.535.138	-	(117.633.785)	352.901.353

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	469.330.239.519	422.811.233.299
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	93.021.593.793	85.058.119.341
- Công ty TNHH Nguyễn Phan	22.595.262.950	36.351.905.000
- Công ty TNHH Eastchem	52.315.594.000	38.833.097.000
- Các nhà cung cấp khác	301.397.788.776	262.568.111.958
Cộng	469.330.239.519	422.811.233.299

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	39.282.582.514	21.589.041.415
- Đặng Văn Lân	6.247.509.939	899.315.649
- Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Tấn Anh	5.330.980.131	-
- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	27.704.092.444	20.689.725.766
Cộng	39.282.582.514	21.589.041.415

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	479.344.917	21.463.794	1.995.332.093	(1.130.756.380)	610.427.241	(23.941.975)
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	7.605.889.450	(7.673.564.393)	-	(67.674.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.752.850.264	15.218.504.087	7.725.121.480	(15.844.985.324)	5.438.438.393	(15.023.956.060)
- Thuế thu nhập cá nhân	3.397.674.467	54.453.024	4.198.009.418	(6.982.514.760)	770.547.272	(211.831.171)
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	- 31.912.986	567.908.560	(535.995.574)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	17.500.000	(17.500.000)	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
Cộng	132.317.490.303	15.326.333.891	22.109.761.001	(32.921.288.001)	121.507.033.561	(15.327.404.149)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế suất:
 - Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất phổ thông 20%.
 - Công ty CP Bình Điền Quảng Trị hưởng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, năm 2019 là năm thứ 8 được hưởng thuế suất ưu đãi.
- Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Công ty CP Bình Điền Ninh Bình giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (bắt đầu từ năm 2017), năm 2019 là năm thứ 03 được giảm 50%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.741.568.860	176.369.005.633
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.143.510.914	1.143.510.914
* Chi phí không hợp lý	167.490.329	1.025.877.129
* Phân bổ Lợi thế thương mại do hợp nhất	117.633.785	117.633.785
* Lỗ trong kỳ của công ty con	15.916.845.742	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Thu nhập tính thuế	40.943.538.716	177.512.516.547
Trong đó chi tiết gồm:		
Thu nhập tính thuế theo thuế suất ưu đãi (17%)	15.452.875.441	18.824.209.376
Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông được giảm 50% thuế phải nộp	-	30.008.525.134

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông</i>	25.490.663.275	128.679.782.037
-Thuế TNDN phải nộp của kỳ này	7.725.121.480	31.936.924.515
<i>Trong đó chi tiết gồm:</i>		
<i>Theo thuế suất ưu đãi (17%)</i>	2.626.988.825	3.200.115.595
<i>Theo thuế suất phổ thông và được giảm 50% thuế phải nộp</i>	-	3.000.852.513
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông</i>	5.098.132.655	25.735.956.407
Tổng Thuế TNDN phải nộp	7.725.121.480	31.936.924.515
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước các chi phí theo chính sách kinh doanh (chiết khấu, khuyến mãi)	45.580.901.426	34.737.615.507
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	5.600.000.000	881.750.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	671.252.764	331.441.517
Cộng	51.852.154.190	35.950.807.024
18. Phải trả ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.660.000.000</i>	<i>2.660.000.000</i>
- Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam	2.660.000.000	2.660.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>17.301.218.526</i>	<i>23.209.218.731</i>
- Kinh phí công đoàn	1.620.465.690	1.976.146.149
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	2.235.464.331
- Cổ tức phải trả	8.762.442.600	6.516.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.918.310.236	12.481.608.251
Cộng	19.961.218.526	25.869.218.731
19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn		
19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Số có khả năng trả	Số có khả năng trả
	Giá trị	Giá trị
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.735.448.937.771	1.676.102.834.775
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	57.157.290.282	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	273.190.418.457	274.312.380.854
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽³⁾	8.042.112.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁴⁾	38.094.249.700	67.467.076.233
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁵⁾	62.046.425.829	90.325.644.463
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	306.363.865.395	407.506.987.575
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN*Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- CN Phú Nhuận ⁽⁷⁾				
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽⁸⁾	118.199.000.000	118.199.000.000	91.600.000.000	91.600.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽⁹⁾	50.801.188.947	50.801.188.947	54.399.432.710	54.399.432.710
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM ⁽¹⁰⁾	-	-	27.525.750.618	27.525.750.618
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹¹⁾	148.402.197.541	148.402.197.541	139.174.763.826	139.174.763.826
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – CN Tp.HCM ⁽¹²⁾	78.271.956.399	78.271.956.399	79.647.992.772	79.647.992.772
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị ⁽¹³⁾	-	-	21.885.358.850	21.885.358.850
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị ⁽¹⁴⁾	119.085.122.750	119.085.122.750	41.350.000.000	41.350.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng ⁽¹⁵⁾	80.062.745.294	80.062.745.294	15.490.349.329	15.490.349.329
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng ⁽¹⁶⁾			9.308.430.500	9.308.430.500
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽¹⁷⁾	395.732.365.177	395.732.365.177	286.779.425.925	286.779.425.925
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hà Nội			69.329.241.120	69.329.241.120
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	235.338.110	235.338.110	1.408.723.600	1.408.723.600
Cộng	1.735.684.275.881	1.735.684.275.881	1.677.511.558.375	1.677.511.558.375

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Tây theo Hợp đồng số BIT.DN.1808.221118 ngày 17/01/2019. Hạn mức: 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng 18.2990105/HĐCVHM/NHCT900-BFC ngày 18/11/2018. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽³⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số HĐTD5082019023 ngày 23/01/2019. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽⁴⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hàm Nghi theo Hợp đồng vay số 0090/2018/5762220/HĐTD ngày 12/10/2018. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

-
- (5) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé theo Hợp đồng vay số 53/2018/5762220/HĐTD ngày 20/10/2018. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Vay tín chấp.
- (6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0066/1838/N-CTD ngày 01/06/2018, Hạn mức 700.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (7) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201600653 ngày 25/08/2016, hạn mức 90.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 6%/năm. Vay tín chấp.
- (8) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HĐTD/BFC/201904 ngày 09/04/2019 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 8.000.000 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (9) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam theo Hợp đồng vay Số 013917147-002 ngày 06/08/2014 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 5.000.000 USD. Mục đích thanh toán mua hàng hoá. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (10) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 26732/18/MN/HĐTD ngày 07/01/2019. Hạn mức: 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (11) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 170260108/2017- HĐTDHM/NHCT923-CTBINHDIENMEKONG ngày 21/01/2017. Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: các tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty CP Bình Điền - MeKong, bao gồm: toàn bộ nợ phải thu khách hàng (Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 130270162/VBSĐBSHĐTC); toàn bộ hàng hóa luân chuyển với giá trị tại mọi thời điểm không thấp hơn 30.000.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 150270079 -1/VBSĐBSHĐTC).
- (12) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/CV-0171/ KHDN1/17NH ngày 05 tháng 10 năm 2018. Hạn mức tín dụng : 80.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Tám mươi tỷ đồng). Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: tại trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Tài sản thế chấp: các tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty CP Bình Điền - MeKong, bao gồm: các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp. Hồ Chí Minh; quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 06/2016/HĐTLĐ – TTCIZ ngày 25 tháng 08 năm 2016 (theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0595/NHNT/ ngày 12 tháng 12 năm 2016).
- (13) Là khoản vay Ngân hàng NN và PT Nông Thôn Việt Nam - CN Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV - 201702549 ngày 12/12/2017. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: cho vay không cần đảm bảo tài sản với mức vay từ 30.000.000.000 đồng trở xuống. Khoản vay hiện tại chưa cần tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

- (14) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1610/2017-HĐCVHM/NHCT450-BINH DIEN ngày 19/10/2017. Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 1908/2016-HĐTDHM/450-CT BINH DIEN ngày 19/08/2016). Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động - Kinh doanh phân bón. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: các tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty CP Bình Điền Quảng Trị, bao gồm: toàn bộ các khoản nợ phải thu khách hàng (theo HĐ thể chấp hàng hóa số 1403/2014/TCHH ngày 14/03/2014); toàn bộ hàng hóa (theo HĐ thể chấp hàng hóa số 1403/2014/TCHH ngày 14/03/2014); và một số TSCĐ (theo HĐ thể chấp tài sản số 3006/2017/HĐTC ngày 30/06/2017 và số 3008/2017/HĐTC ngày 01/09/2017).
- (15) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 32DN/2018-HĐCVHM/NHCT620-CTYBINHDIEN. Hạn mức cho vay: 150.000.000.000 đồng. Lãi suất được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo: tín chấp
- (16) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0028/TDN/18LD ngày 07/05/2018 kèm hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0028A/TDN/18LD ngày 07/05/2018. Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng. Lãi suất được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo: hợp đồng thuê đất có thời hạn của nhà nước thuộc quyền thuê của Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng.
- (17) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh Ninh Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐTDHM/NHCT400-BĐ ngày 26/04/2017. Hạn mức vay: 250.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo:
- + Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 06/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017-HĐTCBĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.
 - + Tài sản đảm bảo 2: Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017-HĐTCĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.
 - + Tài sản đảm bảo bổ sung 3.1: Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 01-HĐTCHH/NHCT400 ngày 15/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.
 - + Tài sản đảm bảo bổ sung 3.2: Quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016/HĐTCPT/NHCT400 ngày 20/07/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	173.103.311.908	173.103.311.908	176.586.775.395	176.586.775.395
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	32.082.283.006	32.082.283.006	36.678.883.006	36.678.883.006
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM ⁽²⁾	26.284.048.793	26.284.048.793	29.204.664.177	29.204.664.177
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình ⁽³⁾	114.736.980.109	114.736.980.109	110.703.228.212	110.703.228.212
Cộng	173.103.311.908	173.103.311.908	176.586.775.395	176.586.775.395

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270045/2015- HĐTDHM/NHCT923 ngày 10/06/2015. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân, ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng. Lãi suất : Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015. Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuộc BVTV Bình Điền - Mekong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong.

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số 0209/KHDN1/16DH ngày 12/12/2016. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ân hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hạn mức tín dụng: 37.968.000.000 đồng nhưng tối đa không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của dự án. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất số 06/2016/HĐTLĐ - TTCIZ ngày 25/08/2016.

⁽³⁾ Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HĐTD/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015; Mục đích vay: đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền-Ninh Bình; Thời hạn vay: 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hợp đồng số 09/2015 – HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD/NHCT400-BĐ ngày 20/11/2017; Hạn mức cho vay: 96.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 72 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

+ Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, được xây dựng và lắp đặt trên diện tích 113.603,2 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

06/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017-HĐTCBĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.

+ Tài sản đảm bảo 2: Toàn bộ vật tư, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn... được lắp đặt, vận hành và thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền - Ninh Bình tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 05/06/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017-HĐTCBĐS/NHCT400-BĐ ngày 19/09/2017.

+ Tài sản đảm bảo bổ sung 3.1: Toàn bộ hàng hoá tồn kho luân chuyển (phân bón và các nguyên liệu sản xuất phân bón) theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 01-HĐTCHH/NHCT400 ngày 15/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo..

+ Tài sản đảm bảo bổ sung 3.2: Quyền phải thu của Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016/HĐTCPT/NHCT400 ngày 20/07/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	13.132.164.776	36.186.583.349	559.972.000	(25.082.017.533)	24.796.702.592
Cộng	13.132.164.776	36.186.583.349	559.972.000	(25.082.017.533)	24.796.702.592

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
Cộng	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	571.679.930.000	571.679.930.000	-
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
+ Vốn góp cuối kỳ	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận công ty mẹ đã chia	(28.583.996.500)	(85.751.989.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

21d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

21e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

22. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.515.985.72	1.069.283,30
Euro (EUR)	44.56	50,43

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>6T 2019</u>	<u>6T 2018</u>
- Doanh thu hoạt động bán thành phẩm	3.023.896.881.267	3.357.013.097.896
- Doanh thu hoạt động dịch vụ, khác	38.988.205.642	45.527.217.517
Cộng	3.062.885.086.909	3.402.540.315.413

2. Các khoản giảm trừ

	<u>6T 2019</u>	<u>6T 2018</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	41.066.379.891	57.015.534.207
Cộng	41.066.379.891	57.015.534.207

3. Giá vốn hàng bán

	<u>6T 2019</u>	<u>6T 2018</u>
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.710.017.147.525	2.875.432.203.657
- Giá vốn hoạt động dịch vụ, khác	16.563.418.318	18.384.032.992
Cộng	2.726.580.565.843	2.893.816.236.649

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	6T 2019	6T 2018
- Lãi tiền gửi	1.299.257.751	1.234.277.894
- Khác	880.818.638	1.551.991.077
Cộng	2.180.076.389	2.786.268.971

5. Chi phí tài chính

	6T 2019	6T 2018
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	57.358.939.523	57.432.884.346
- Chiết khấu thanh toán	11.716.002.000	13.708.365.703
- Khác	1.471.715.455	586.206.359
Cộng	70.546.656.978	71.727.456.408

6. Chi phí bán hàng

	6T 2019	6T 2018
- Chi phí cho nhân viên; tiếp thị, bán hàng..	142.563.107.473	160.455.180.852
Cộng	142.563.107.473	160.455.180.852

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6T 2019	6T 2018
- Chi phí nhân viên, chi phí quản lý khác..	60.528.312.391	59.041.037.962
Cộng	60.528.312.391	59.041.037.962

8. Thu nhập khác

	6T 2019	6T 2018
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	13.118.971.906
- Thu nhập khác	1.349.196.315	633.878.583
Cộng	1.349.196.315	13.752.850.489

9. Chi phí khác

	6T 2019	6T 2018
- Chi phí khác	387.768.177	654.983.162
Cộng	387.768.177	654.983.162

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	6T 2019	6T 2018
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.725.121.480	31.936.924.515
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.725.121.480	31.936.924.515

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6T 2019	6T 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	9.002.061.742	106.782.573.734
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	6T_2019	6T_2018
sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(900.206.174)	(10.678.257.373)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.101.855.568	96.104.316.361
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	142	1.681

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Kỳ này được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Kỳ này.

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6T_2019	6T_2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	9.002.061.742	106.782.573.734
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(900.206.174)	(10.678.257.373)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.101.855.568	96.104.316.361
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	57.167.993
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	142	1.681

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Kỳ này được tạm trích 10% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trong Kỳ này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương, thưởng và thù lao	1.853.794.000	3.417.080.002
Cổ tức đã nhận bằng tiền	91.584.000	-
Cộng	1.945.378.000	3.417.080.002

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

2b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty CP Phân bón Bình Điền)

Nội dung giao dịch:	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP Phân bón Bình Điền chỉ cổ tức	18.579.600.000	-
Công ty CP Phân bón Bình Điền phải thu khác	3.737.502.545 (tại ngày 30/06/2019)	3.737.502.545 (tại ngày 30/06/2018)
Công ty CP Phân bón Bình Điền phải trả khác	2.660.000.000 (tại ngày 30/06/2019)	2.660.000.000 (tại ngày 30/06/2018)

3. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

6 tháng 2019

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.702.160.512.586	319.658.194.432	3.021.818.707.018
Giá vốn hàng bán	2.443.134.130.447	283.446.435.396	2.726.580.565.843
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	259.026.382.139	36.211.759.036	295.238.141.175

6 tháng 2018

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.901.394.164.131	444.130.617.075	3.345.524.781.206
Giá vốn hàng bán	2.522.539.472.754	371.276.763.895	2.893.816.236.649
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	378.854.691.377	72.853.853.180	451.708.544.557

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.19a, V.19b).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2019.

Người lập biểu



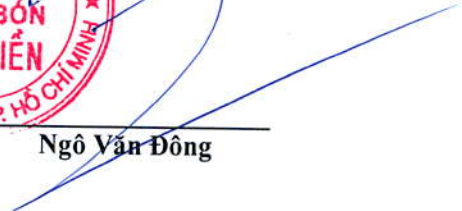
Trần Ngọc Hùng

Kế toán trưởng



Trần Tấn Sơn

Tổng Giám đốc



Ngô Văn Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	494.663.577.984	274.000.624.347	42.958.152.088	6.172.791.858	15.152.199.544	832.947.345.821
2. Tăng trong kỳ	14.163.312.000	5.377.794.900	518.454.545	944.531.000	33.330.000	21.037.422.445
- Tăng do mua mới	1.818.138.000	995.843.100	518.454.545	94.000.000	33.330.000	3.459.765.645
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	12.345.174.000	4.381.951.800	-	850.531.000	-	17.577.656.800
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	508.826.889.984	279.378.419.247	43.476.606.633	7.117.322.858	15.185.529.544	853.984.768.266
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng	14.271.810.316	72.961.371.730	12.939.558.810	1.949.636.594	-	102.122.377.450
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	181.509.830.826	144.902.367.837	25.626.233.797	3.831.212.056	4.873.566.913	360.743.211.429
2. Tăng trong kỳ	20.336.101.825	12.086.834.749	2.329.133.537	3.280.843.570	1.389.210.751	39.422.124.431
- Khấu hao trong kỳ	20.336.101.825	12.086.834.749	2.329.133.537	3.280.843.570	1.389.210.751	39.422.124.431
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	201.845.932.651	156.989.202.585	27.955.367.334	7.112.055.626	6.262.777.664	400.165.335.860
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	313.153.747.158	129.098.256.510	17.331.918.291	2.341.579.802	10.278.632.631	472.204.134.392
2. Tại ngày cuối kỳ	306.980.957.333	122.389.216.662	15.521.239.299	5.267.232	8.922.751.880	453.819.432.406

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

102.122.377.450

Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay:

232.669.567.324

Người lập biểu



Trần Ngọc Hùng

Kế toán trưởng



Trần Tấn Sơn



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2018.

Tổng Giám Đốc



Ngô Văn Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu (1)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Số dư đầu năm trước	571.679.930.000	15.050.059.200	-	122.111.329.093	11.927.892.981	253.904.393.401	246.178.995.861	1.220.852.600.536
2. Tăng trong năm trước	-	4.590.000.000	-	46.482.255.541	1.263.940.074	193.313.969.411	59.986.007.875	305.636.172.901
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	193.313.969.411	59.986.007.875	253.299.977.286
- Tăng vốn trong năm	-	4.590.000.000	-	-	-	-	-	4.590.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giá trị tài sản thuần tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	46.482.255.541	1.263.940.074	-	-	47.746.195.615
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(4.590.000.000)	-	(282.539.423.085)	(50.521.017.280)	(337.650.440.365)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(282.539.423.085)	(50.521.017.280)	(333.060.440.365)
- Giảm khác	-	-	-	(4.590.000.000)	-	-	-	(4.590.000.000)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	571.679.930.000	19.640.059.200	-	164.003.584.634	13.191.833.055	164.678.939.727	255.643.986.456	1.188.838.333.072
5. Tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	9.002.061.742	8.014.385.638	17.016.447.380
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	9.002.061.742	8.014.385.638	17.016.447.380
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
- Bổ sung từ Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	22.849.767.099	-	(77.126.314.835)	(50.292.844.193)	(104.569.391.929)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	22.849.767.099	-	(22.849.767.099)	-	-
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(25.496.711.236)	(10.689.872.113)	(36.186.583.349)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(28.583.996.500)	(39.414.812.080)	(67.998.808.580)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(195.840.000)	(188.160.000)	(384.000.000)
7. Số dư cuối kỳ này	571.679.930.000	19.640.059.200	-	186.853.351.733	13.191.833.055	96.554.686.634	213.365.527.901	1.101.285.388.523

Người lập

Trần Ngọc Hùng

Kế toán trưởng

Trần Tấn Sơn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2019



Tổng Giám đốc

Ngô Văn Đông